

Số: 670 /CN-TCKT  
V/v giải trình biến động lợi nhuận sau  
thuế TNDN quý II năm 2023 so với quý  
II năm 2022.

Đồng Nai, ngày 19 tháng 07 năm 2023

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- Tổ chức niêm yết: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
- Mã chứng khoán niêm yết: DNW

Thực hiện Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai giải trình tình hình biến động Lợi nhuận sau thuế TNDN quý II năm 2023 giảm hơn 10% so với lợi nhuận sau thuế TNDN quý II năm 2022 như sau:

STT	Nội dung	Quý II/2023	Quý II/2022	Chênh lệch	% Chênh lệch
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN của BCTC riêng	105.262.046.835	195.315.486.975	(90.053.440.140)	-46,11%
2	Lợi nhuận sau thuế TNDN của BCTC hợp nhất	114.409.354.280	199.022.380.770	(84.613.026.490)	-42,51%

**Nguyên nhân biến động lợi nhuận sau thuế TNDN của BCTC riêng:**

1. Doanh thu và thu nhập khác quý II/2023 đạt 332.525.308.446 đồng, giảm 74.285.670.080 đồng so với doanh thu và thu nhập khác cùng kỳ năm 2022 (đạt 406.810.978.526 đồng), tương ứng mức giảm là 18,26%.

Biến động các khoản doanh thu như sau:

	Quý II năm nay	Quý II năm trước	Chênh lệch	% tăng/ (giảm)
Doanh thu bán hàng (cung cấp nước)	268.675.432.195	247.153.491.800	21.521.940.395	8,71%
Doanh thu cung cấp dịch vụ (lắp đặt)	11.364.507.030	9.880.975.061	1.483.531.969	15,01%
Doanh thu kinh doanh nước Doriv	857.975.000	828.353.567	29.621.433	3,58%
Doanh thu tài chính	49.666.656.675	147.370.808.437	-97.704.151.762	-66,30%
Thu nhập khác	1.960.737.546	1.577.349.661	383.387.885	24,31%
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>332.525.308.446</b>	<b>406.810.978.526</b>	<b>-74.285.670.080</b>	<b>-18,26%</b>

Nguyên nhân chủ yếu là khoản lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ do đánh giá lại các khoản vay có gốc ngoại tệ tại 30/06/2023:

	Quý II năm nay	Quý II năm trước	Chênh lệch	% tăng/ (giảm)
Lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ do đánh giá lại các khoản vay có gốc ngoại tệ	33.036.257.035	137.106.107.943	-104.069.850.908	-75,90%

2. Tổng chi phí quý II/2023 của Công ty đạt 221.586.162.031 đồng, so với cùng kỳ năm 2022 là 201.111.331.203 đồng tăng 20.474.830.828 đồng, tương ứng mức tăng là 10,18%.

Biến động các khoản chi phí như sau:

	Quý II năm nay	Quý II năm trước	Chênh lệch	% tăng/ (giảm)
Giá vốn bán hàng (cung cấp nước)	169.222.766.737	156.085.060.800	13.137.705.937	8,42%
Giá vốn cung cấp dịch vụ (lắp đặt)	9.922.879.236	9.533.699.489	389.179.747	4,08%
Giá vốn kinh doanh nước Doriv	633.508.231	610.865.589	22.642.642	3,71%
Chi phí tài chính	10.628.876.141	8.229.024.284	2.399.851.857	29,16%
Chi phí bán hàng	17.366.941.577	13.673.629.960	3.693.311.617	27,01%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	13.283.033.708	12.432.176.101	850.857.607	6,84%
Thu nhập khác	528.156.401	546.874.980	-18.718.579	-3,42%
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>221.586.162.031</b>	<b>201.111.331.203</b>	<b>20.474.830.828</b>	<b>10,18%</b>

Tổng hợp các ảnh hưởng trên đã làm cho lợi nhuận sau thuế TNDN quý II năm 2023 giảm 90.053.440.140 đồng so với cùng kỳ năm 2022, tương ứng mức giảm 46,11%.

## Nguyên nhân biến động lợi nhuận sau thuế TNDN của BCTC hợp nhất:

1. Tổng doanh thu và thu nhập khác quý II/2023 của công ty mẹ và các công ty con đạt 366.970.232.000 đồng, giảm 79.321.032.631 đồng so với doanh thu và thu nhập khác cùng kỳ năm 2022 (đạt 446.291.264.631 đồng), tương ứng mức giảm là 17,77%.

Biến động các khoản doanh thu như sau:

	Quý II năm nay	Quý II năm trước	Chênh lệch	% tăng/ (giảm)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	315.031.621.778	297.125.236.981	17.906.384.797	6,03%
Doanh thu tài chính	49.677.277.675	147.410.015.816	-97.732.738.141	-66,30%
Thu nhập khác	2.261.332.547	1.756.011.834	505.320.713	28,78%
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>366.970.232.000</b>	<b>446.291.264.631</b>	<b>-79.321.032.631</b>	<b>-17,77%</b>

Nguyên nhân chủ yếu là khoản lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ do đánh giá lại các khoản vay có gốc ngoại tệ tại 30/06/2023:

	Quý II năm nay	Quý II năm trước	Chênh lệch	% tăng/ (giảm)
Lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ do đánh giá lại các khoản vay có gốc ngoại tệ	33.036.257.035	137.106.107.943	-104.069.850.908	-75,90%

2. Tổng chi phí quý II/2023 của công ty mẹ và các công ty con đạt 250.837.346.447 đồng, so với cùng kỳ năm 2022 là 234.404.105.156 đồng tăng 16.433.241.291 đồng, tương ứng mức tăng là 7,01%.

Biến động các khoản chi phí như sau:

	Quý II năm nay	Quý II năm trước	Chênh lệch	% tăng/ (giảm)
Giá vốn bán hàng	202.879.699.913	191.386.241.795	11.493.458.118	6,01%
Chi phí tài chính	10.628.876.141	8.229.024.284	2.399.851.857	29,16%
Chi phí bán hàng	19.543.173.466	16.095.038.243	3.448.135.223	21,42%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	16.984.806.932	17.449.076.750	-464.269.818	-2,66%
Thu nhập khác	800.789.995	1.244.724.084	-443.934.089	-35,67%
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>250.837.346.447</b>	<b>234.404.105.156</b>	<b>16.433.241.291</b>	<b>7,01%</b>

Tổng hợp các ảnh hưởng trên đã làm cho lợi nhuận sau thuế TNDN quý II năm 2023 giảm 84.613.026.490 đồng so với cùng kỳ năm 2022, tương ứng mức giảm 42,51%.

Trên đây là giải trình của Công ty cổ phần Cấp nước Đồng Nai, kính trình Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội xem xét.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT, BGD;
- Ban Kiểm soát;
- Ban KTNB;
- Phòng TCKT;
- Lưu VT.TCKT

**GIÁM ĐỐC**  
  
**Phạm Thị Hồng**

